| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LỤC NGẠN**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 10/2023/QĐCNHGT-DS | *Lục Ngạn, ngày 28 tháng 4 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của ông Phạm Văn K và ông Phạm Văn T.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đề ngày 22 tháng 02 năm 2023 của ông Phạm Văn K.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12 tháng 4 năm 2023 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- Người khởi kiện: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn M, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

- Người bị kiện: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12 tháng 4 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12 tháng 4 năm 2023, cụ thể như sau:

1.1. Về trách nhiệm trả nợ: Ông Phạm Văn T phải trả ông Phạm Văn K số tiền 789.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi chín triệu đồng).

1.2. Phương thức trả nợ cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 30-6-2023: Ông Phạm Văn T trả ông Phạm Văn K số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Lần 2: Ngày 31-12-2023: Ông Phạm Văn T trả ông Phạm Văn K số tiền 133.000.000 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu đồng).

Lần 3: Ngày 30-6-2024: Ông Phạm Văn T trả ông Phạm Văn K số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Lần 4: Ngày 31-12-2024: Ông Phạm Văn T trả ông Phạm Văn K số tiền 133.000.000 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu đồng).

Lần 5: Ngày 30-6-2025: Ông Phạm Văn T trả ông Phạm Văn K số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Lần 6: Ngày 31-12-2025: Ông Phạm Văn T trả ông Phạm Văn K số tiền 133.000.000 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu đồng).

Nếu ông Phạm Văn T vi phạm bất kỳ chu kỳ trả nợ như đã thỏa thuận thì ông Phạm Văn K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành toàn bộ khoản tiền nợ còn lại.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn thanh toán, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tiền trên số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**2.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Các bên tham gia hòa giải;
- Hòa giải viên Nguyễn Thị Công Mừng;
- Lưu: TA.

**THẨM PHÁN**

(đã ký)

**Ong Thân Thắng**

***<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-QĐHG:</u>***

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN THÀNH PHỐ HÀ NỘI). Tòa án cấp tỉnh để riêng một dòng (trong ví dụ trên thì THÀNH PHỐ HÀ NỘI để riêng một dòng); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định, ô thứ ba ghi lĩnh vực tranh chấp (ví dụ: Số: 02/2021/QĐCNHGT-KDTM).

(3) Ghi họ và tên của người yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện yêu cầu giải quyết.

(5) Ghi tên của người khởi kiện. Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên của người đó và tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức đó.

(6) Ghi tên, địa chỉ của các bên tham gia hòa giải, người đại diện, người phiên dịch (nếu có); Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó. Đối với người đại diện thì ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người được đại diện; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn "văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...".

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A; cư trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B; cư trú tại... là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (Văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...).

(7) Ghi đầy đủ, lần lượt các thoả thuận của các bên tham gia hòa giải về từng vấn đề đã được thể hiện trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải.